

Số: **21** /GP-UBND

Lạng Sơn, ngày **14** tháng 8 năm 2019

**GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN  
Mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng**

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản; Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn đề nghị cấp giấy phép khai thác mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng nộp ngày 15/11/2018; nộp bổ sung Giấy xác nhận nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nộp lần đầu) ngày 01/7/2019;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 284/TTr-STNMT ngày 01/8/2019,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Cho phép Công ty Cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn được khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng.

1. Diện tích khu vực khai thác: 13,13 ha (trong đó: Khu I, diện tích 7,37 ha; Khu II, diện tích 5,76 ha được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực  $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$  tại Phụ lục số 01 và Phụ lục số 02 (Bản đồ khu vực khai thác) kèm theo Giấy phép này.

2. Mức sâu khai thác thấp nhất: +4,18 m.

3. Trữ lượng:

- Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 577.263 m<sup>3</sup>

- Trữ lượng khai thác: 493.277 m<sup>3</sup>

4. Công suất khai thác: 60.000 m<sup>3</sup>/năm.

5. Thời hạn khai thác: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm.

**Điều 2.** Công ty cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn có trách nhiệm:

1. Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

2. Tiến hành hoạt động khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng toạ độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Điều 1 Giấy phép này.

3. Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lạng Sơn để kiểm tra tại thực địa, xác định toạ độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc ranh giới khu vực được phép khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

4. Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

5. Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ Tân Lang và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

6. Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến; không làm sạt lở bờ sông, ảnh hưởng đến trạm bơm thôn Thanh Hảo, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn, trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

7. Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

**Điều 3.** Giấy phép này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Hoạt động khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường theo Giấy phép này, Công ty cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn chỉ được phép tiến hành sau khi nộp cho Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Công Thương, Sở Xây dựng tỉnh Lạng Sơn hồ sơ thiết kế mỏ đã được phê duyệt theo quy định; đăng ký ngày bắt đầu xây dựng cơ bản mỏ, ngày hoạt động sản xuất kinh doanh, thông báo về giám đốc điều hành mỏ, kế hoạch khai thác, chế biến cho cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định./.

**Noi nhận:**

- Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Các Sở: XD, CT, KH&ĐT, TN&MT (03b);
- Cục thuế tỉnh;
- C, PVP, các phòng: KTTH, TH;
- UBND huyện Văn Lãng;
- UBND xã Tân Lang;
- Công ty Cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn;
- Lưu: VT, KTN(NNT) *13*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Hồ Tiến Thiệu

**Giấy phép khai thác khoáng sản này đã được đăng ký Nhà nước  
tại Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn**

Số đăng ký: 01 /ĐK-KT

Lạng Sơn, ngày 15/8/2019

KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC



Nguyễn Đình Duyệt

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LÂNG SƠN

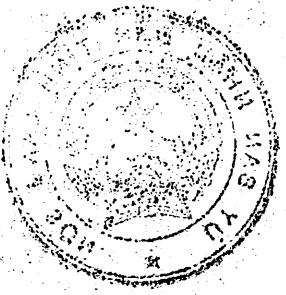


Phụ lục số 01

RẠNH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ CÁT, SỎI  
TÂN LANG, XÃ TÂN LANG, HUYỆN VĂN LÃNG

★ (Kèm theo Giấy phép khai thác số 24/GP-UBND  
ngày 14/8/2019 của UBND tỉnh)

Điểm gốc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trực $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu $3^0$ )		Khu vực/ Diện tích
	X (m)	Y (m)	
1	2442 338	431 786	Khu I 7,37 ha
2	2442 309	431 893	
3	2442 028	431 879	
4	2441 803	431 711	
5	2442 205	431 685	
6	2443 278	431 496	
7	2443 175	431 774	
8	2442 988	431 960	
9	2442 946	431 942	
10	2443 038	431 692	
11	2443 100	431 608	
12	2443 248	431 471	
Tổng diện tích: 13,13 ha			



SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN
BỘ PHẬN TIẾP NHẬN & TRẢ KẾT QUẢ
<b>ĐẾN</b> Số: 3A/KS
Ngày: 15 tháng 11 năm 2018
Chuyển: P-TNN/KS

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Lạng Sơn, ngày 14 tháng 11 năm 2018

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KHAI THÁC KHOÁNG SẢN**

Kính gửi: Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn

**Công ty Cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn**

Trụ sở chính: Núi Đồng Bà Ký, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng, tỉnh Lạng Sơn.

Điện thoại: 093 223 2222

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 4900800197 do phòng ĐKKD Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp lần đầu ngày 26/10/2016, đăng ký thay đổi lần 2 ngày 18/5/2017.

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt tại Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2018.

Trữ lượng cát, sỏi được phê duyệt: 577.263 m<sup>3</sup>, trong đó:

- Trữ lượng cát là: 213.387 m<sup>3</sup>;
- Trữ lượng sỏi là: 363.876 m<sup>3</sup>.

Đề nghị được cấp phép khai thác khoáng sản cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn đã được UBND tỉnh Lạng Sơn với các nội dung sau:

Diện tích khu vực khai thác: 13,13 ha bao gồm 2 khu, được giới hạn bởi các điểm góc từ 1 đến 12 có toạ độ xác định trên bản đồ khu vực khai thác khoáng sản kèm theo.

Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác: 577.263 m<sup>3</sup>.

Trữ lượng khai thác: 493.277 m<sup>3</sup>.

Phương pháp khai thác: Lộ thiên.

Công suất khai thác nguyên khai: 60.000 m<sup>3</sup>/năm.

(Công suất khai thác chi tiết các năm tại phụ lục kèm theo)

Mức sâu khai thác:

- Mức sâu khai thác khu I: từ +4,18m đến +4,44m.
- Mức sâu khai thác khu II: Từ +4,48m đến +4,72m.

Thời hạn khai thác: 10 năm (Kể từ ngày ký giấy phép. Trong đó thời gian xây dựng cơ bản mở là: 01 năm).

Mục đích sử dụng khoáng sản: Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cung cấp cho thị trường trong huyện, trong tỉnh và khu vực lân cận.

Công ty Cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn cam đoan thực hiện đúng quy định của pháp luật về khoáng sản và quy định của pháp luật khác có liên quan.

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LIÊN DOANH CÔNG NGHỆ GẠCH  
KHÔNG NUNG LẠNG SƠN**



**PHỤ LỤC**

**LỊCH KHAI THÁC MỎ CÁT, SỎI TÂN LANG, XÃ TÂN LANG, HUYỆN  
HỮU LŨNG, TỈNH LẠNG SƠN**

TT	Năm	<b>Công suất khai thác (m<sup>3</sup>/năm)</b>	
		<b>Công suất nguyên khối</b>	<b>Công suất nguyên khai</b>
1	Năm thứ nhất (XDCB)	34.783	40.000
2	Năm thứ 2	52.174	60.000
3	Năm thứ 3	52.174	60.000
4	Năm thứ 4	52.174	60.000
5	Năm thứ 5	52.174	60.000
6	Năm thứ 6	52.174	60.000
7	Năm thứ 7	52.174	60.000
8	Năm thứ 8	52.174	60.000
9	Năm thứ 9	52.174	60.000
10	Năm thứ 10	41.103	47.268
	<b>Tổng</b>	<b>493.277</b>	<b>567.268</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN  
LIÊN DOANH CÔNG NGHỆ GẠCH  
KHÔNG NUNG LẠNG SƠN**



Lạng Sơn, ngày 01 tháng 8 năm 2019

## TỜ TRÌNH

### Về việc cấp giấy phép khai thác mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng

Kính gửi: Uỷ ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Căn cứ Luật Khoáng sản ngày 17/11/2010;

Căn cứ Nghị định số 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Căn cứ Nghị định số 203/2013/NĐ-CP ngày 28/11/2013 của Chính phủ quy định về phương pháp tính, mức thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản;

Căn cứ Thông tư số 01/2016/TT-BTNMT ngày 13/01/2016 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định kỹ thuật về công tác thăm dò cát, sỏi lòng sông và đất, đá làm vật liệu san lấp; Thông tư số 45/2016/TT-BTNMT ngày 26/12/2016 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định về đề án thăm dò khoáng sản, đóng cửa mỏ khoáng sản và mẫu báo cáo kết quả hoạt động khoáng sản, mẫu văn bản trong hồ sơ cấp phép hoạt động khoáng sản, hồ sơ phê duyệt trữ lượng khoáng sản; trình tự, thủ tục đóng cửa mỏ khoáng sản;

Căn cứ Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 của UBND tỉnh phê duyệt Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030;

Căn cứ Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 07/7/2017 của UBND tỉnh về việc phê duyệt khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn;

Xét hồ sơ của Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn đề nghị cấp giấy phép khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng nộp tại Sở Tài nguyên và Môi trường ngày 15/11/2018; nộp bổ sung Giấy xác nhận nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (nộp lần đầu) ngày 01/7/2019;

Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định, kết quả như sau:

- Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần, mã số doanh nghiệp 4900800197, do Phòng Đăng ký kinh doanh thuộc Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/10/2016; đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 25/02/2019. Để được khai thác mỏ cát, sỏi Tân Lang, Công ty nộp hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản theo quy định tại Khoản 1 Điều 59 Luật Khoáng sản năm 2010. Hồ sơ gồm:

+ Đơn đề nghị cấp giấy phép khai thác khoáng sản đề ngày 14/11/2018.

+ Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12/01/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt trữ lượng mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Dự án đầu tư khai thác khoáng sản kèm theo Quyết định phê duyệt số 18/2019/QĐ-GKNLS ngày 08/03/2019 của Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn; Quyết định số 1011/QĐ-UBND ngày 31/5/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án: 1380147381, chứng nhận lần đầu ngày 06/6/2018.

+ Báo cáo đánh giá tác động môi trường kèm theo Quyết định số 1657/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của UBND tỉnh phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường của Dự án Đầu tư khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang thuộc xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

+ Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; Văn bản xác nhận vốn chủ sở hữu; Văn bản xác nhận đã nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

- Khu vực khai thác có diện tích 13,13 ha, không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, đã được Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với Sở Văn hóa, Thể Thao và Du lịch, Sở Xây dựng, Sở Công Thương, Bộ chỉ huy quân sự tỉnh, UBND huyện Văn Lãng và UBND xã Tân Lang kiểm tra thực địa ngày 24/8/2017 và ngày 10/7/2019, nhất trí đề nghị UBND tỉnh xem xét, cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; riêng với lĩnh vực quốc phòng - an ninh đã được Bộ Tư lệnh Quân khu 1 có ý kiến chấp thuận tại Công văn số 490/BTL-BTM ngày 22/3/2018 và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh tại Công văn số 1278/BCH-TaH ngày 28/8/2017.

- Về vốn chủ sở hữu: Theo Báo cáo tài chính năm 2017 của Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn có vốn chủ sở hữu dư cuối năm 2017 là 9,0 tỷ đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 1380147381, chứng nhận lần đầu ngày 06/6/2018, tổng vốn đầu tư của dự án là 14,706 tỷ đồng. Như vậy Công ty đã có vốn chủ sở hữu trên 30% tổng số vốn đầu tư của dự án.

- Về đấu giá quyền khai thác khoáng sản: Mỏ cát, sỏi Tân Lang nằm trong danh mục khu vực không đấu giá quyền khai thác khoáng sản được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1222/QĐ-UBND ngày 07/7/2017.

- Về việc nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại mỏ cát sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, với tổng số tiền được phê duyệt 5.099.063.00 đồng, nộp 05 lần; đến thời điểm đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản, Công ty đã nộp 1.019.813.000 đồng (số tiền phải nộp lần đầu).

Từ kết quả thẩm định trên, Sở Tài nguyên và Môi trường trình UBND tỉnh:

1. Cho phép Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường bằng phương pháp lộ thiên tại mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

- Diện tích khu vực khai thác: 13,13 ha (Trong đó: Khu I, diện tích 7,37 ha; Khu 2, diện tích 5,76 ha) được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc có tọa độ theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trục  $107^{\circ}15'$ , mũi chiếu  $3^{\circ}$  tại Phụ lục kèm theo Tờ trình này và bản đồ khu vực khai thác.

- Mức sâu khai thác thấp nhất: + 4,18 m.

- Trữ lượng:

+ Trữ lượng khoáng sản được phép đưa vào thiết kế khai thác:  $577.263\text{ m}^3$

+ Trữ lượng khai thác:  $493.277\text{ m}^3$

- Công suất khai thác:  $60.000\text{ m}^3$  nguyên khai/năm.

- Thời hạn khai thác: 10 năm, kể từ ngày ký Giấy phép, trong đó thời gian xây dựng cơ bản mỏ 01 năm.

2. Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn có trách nhiệm:

- Nộp lệ phí cấp Giấy phép khai thác khoáng sản; tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các khoản phí có liên quan theo quy định hiện hành.

- Tiến hành hoạt động khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường theo đúng tọa độ, diện tích, trữ lượng, công suất quy định tại Giấy phép khai thác khoáng sản.

- Trước khi tiến hành khai thác, phải nộp thiết kế mỏ được lập, thẩm định, phê duyệt theo quy định của pháp luật cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền; báo cáo Sở Tài nguyên Môi trường tỉnh Lạng Sơn kiểm tra tại thực địa, xác định tọa độ, mặt bằng khai thác và cắm mốc ranh giới khu vực khai thác; thực hiện thuê đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

- Thực hiện đúng, đầy đủ nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường và Phương án cải tạo, phục hồi môi trường đã được phê duyệt và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường theo quy định.

- Khai thác đúng quy trình kỹ thuật, bảo đảm an toàn lao động và các quy định khác có liên quan về an toàn trong khai thác mỏ. Phải thu hồi tối đa sản phẩm khai thác từ mỏ cát, sỏi Tân Lang và các sản phẩm khác (nếu có); báo cáo đúng sản lượng khai thác, chế biến, sử dụng khoáng sản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

- Thường xuyên kiểm soát các khu vực khai thác, chế biến; không làm sạt lở bờ sông, ảnh hưởng đến trạm bơm thôn Thanh Hảo, các công trình phụ trợ và các khu vực khác có liên quan; bảo vệ tài nguyên khoáng sản, bảo đảm an toàn,

trật tự mỏ theo quy định của pháp luật. Trường hợp có dấu hiệu không đảm bảo an toàn, phải dừng ngay hoạt động khai thác, chế biến, đồng thời có biện pháp khắc phục kịp thời và báo cáo ngay bằng văn bản cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền để xử lý.

- Thực hiện báo cáo định kỳ, báo cáo đột xuất; trường hợp có phát hiện mới khoáng sản khác phải báo cáo ngay cho Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Lạng Sơn; thực hiện việc đóng cửa mỏ, phục hồi môi trường và đất đai khi Giấy phép khai thác khoáng sản chấm dứt hiệu lực.

Sở Tài nguyên và Môi trường kính trình UBND tỉnh xem xét, quyết định./.

*Nơi nhận:*

- Như kính gửi;
- Lãnh đạo Sở;
- Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn;
- Lưu: VT, NKS.

**KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Nguyễn Đình Duyệt**

UBND TỈNH LẠNG SƠN  
SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

**PHỤ LỤC**

RANH GIỚI, TỌA ĐỘ KHU VỰC KHAI THÁC MỎ CÁT, SỎI TÂN LANG,  
 XÃ TÂN LANG, HUYỆN VĂN LÂNG, TỈNH LẠNG SƠN

(Kèm theo Tờ trình số: 284/TTr-STNMT ngày 01/8/2019  
 của Sở Tài nguyên và Môi trường)

Điểm gốc	Hệ tọa độ VN2000 (Kinh tuyến trục $107^{\circ}15'$ , múi chiếu $3^{\circ}$ )		Khu vực/ Diện tích
	X (m)	Y (m)	
1	2442 338	431 786	Khu I 7,37 ha
2	2442 309	431 893	
3	2442 028	431 879	
4	2441 803	431 711	
5	2442 205	431 685	
6	2443 278	431 496	Khu II 5,76 ha
7	2443 175	431 774	
8	2442 988	431 960	
9	2442 946	431 942	
10	2443 038	431 692	
11	2443 100	431 608	
12	2443 248	431 471	
Tổng diện tích: 13,13 ha			

Số: 18 /2019/QĐ-GKNLS

Lạng Sơn, ngày 8 tháng 5 năm 2019

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CỦA GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP LIÊN DOANH CÔNG NGHỆ**  
**GẠCH KHÔNG NUNG LẠNG SƠN**

*Về việc phê duyệt “Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang thuộc xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn”*

**GIÁM ĐỐC CÔNG TY CP LIÊN DOANH CÔNG NGHỆ**  
**GẠCH KHÔNG NUNG LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XII thông qua tại kỳ họp thứ 8 ngày 17 tháng 11 năm 2010;

Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 7 thông qua ngày 18 tháng 6 năm 2014;

Nghị định số 32/2015/NĐ-CP ngày 25/3/2015 của Chính phủ v/v Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Nghị định số 46/2015/NĐ-CP của Chính phủ ngày 12/5/2015 về quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng;

Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về quản lý dự án đầu tư xây dựng;

Nghị định 158/2016/NĐ-CP ngày 29/11/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Khoáng sản;

Thông tư số 26/2016/TT-BCT ngày 30/11/2016 của Bộ Công thương V/v Quy định nội dung lập, thẩm định và phê duyệt dự án đầu tư xây dựng, thiết kế xây dựng và dự toán xây dựng công trình mỏ khoáng sản;

Quyết định số 88/QĐ-UBND ngày 12 tháng 01 năm 2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt trữ lượng mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn;

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của Công ty Cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn;

Căn cứ vào Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang thuộc xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn do Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ Delta lập năm 2019.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1:** Phê duyệt “*Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang thuộc xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn*” với các nội dung chủ yếu sau:

1. Tên dự án: Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang thuộc xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

2. Tên chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn.

3. Mục tiêu đầu tư: Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường.

4. Tên tổ chức lập dự án: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ Delta.

Chủ nhiệm dự án: Lê Quang Phục.

5. Tên tổ chức lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật: Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư mỏ Delta.

6. Địa điểm xây dựng mỏ: tại xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

7. Loại, cấp công trình:

- Loại công trình: dự án khai thác, chế biến khoáng sản Nhóm C.

- Cấp công trình: cấp III.

8. Số bước thiết kế: 1 bước.

9. Phương án xây dựng:

9.1. Biên giới và trữ lượng khai trường:

- Biên giới khai trường:

+ Diện tích khai trường:  $S = 13,13$  ha bao gồm 2 khu vực (Khu 1 diện tích 7,37 ha ; Khu 2 diện tích 5,76 ha).

+ Mức sâu khai thác: Khu 1 từ 4,18- 4,44 m; Khu 2 từ 4,48- 4,72m.

- Trữ lượng khai trường:

+ *Trữ lượng địa chất huy động khai thác:*

Trữ lượng cát, sỏi huy động vào khai thác cấp 122 là:  $577.263\text{ m}^3$  (trong đó trữ lượng cát là  $213.387\text{ m}^3$ , trữ lượng sỏi là  $363.876\text{ m}^3$ ).

+ *Trữ lượng khai thác:*

Trữ lượng khai thác của mỏ:  $493.277\text{ m}^3$  cát, sỏi nguyên khối tương đương  $567.268\text{ m}^3$  cát, sỏi nguyên khai (trong đó: trữ lượng cát chiếm 36,3% tương đương  $182.342\text{ m}^3$ , trữ lượng sỏi chiếm 61,9% tương đương  $310.935\text{ m}^3$ ).

## 9.2. Công suất thiết kế và tuổi thọ dự án:

- Công suất khai thác:  $60.000 \text{ m}^3/\text{năm}$  cát, sỏi nguyên khai tương đương  $52.174 \text{ m}^3/\text{năm}$  cát, sỏi nguyên khôi, trong đó:

+ Công suất khai thác cát chiếm 37% tương đương:  $22.200 \text{ m}^3/\text{năm}$  cát nguyên khai ( $19.304 \text{ m}^3/\text{năm}$  cát nguyên khôi);

+ Công suất khai thác sỏi chiếm 63% tương đương:  $37.800 \text{ m}^3/\text{năm}$  sỏi nguyên khai ( $32.870 \text{ m}^3/\text{năm}$  sỏi nguyên khôi).

- Tuổi thọ dự án: 10 năm.

9.3. Mở vỉa: Do đặc điểm địa hình khu vực khai thác mỏ là dạng bãi bồi nổi, không bị ngập nước, công nghệ khai thác mỏ dự kiến là xúc bốc khai thác trực tiếp bằng máy xúc TLGN, phương thức vận tải mỏ bằng đường bộ từ guong khai thác về khu vực chế biến. Do vậy công tác mở vỉa của dự án là san gạt tạo tuyến đường vận tải từ khu chế biến đến diện khai thác ban đầu và tạo diện khai thác ban đầu.

## 9.4. Chuẩn bị khai trường và trình tự khai thác:

- Công tác chuẩn bị khai trường bao gồm các công việc sau:

+ Xây dựng tuyến đường mở vỉa từ khu chế biến đến diện khai thác ban đầu;

+ Tạo diện khai thác ban đầu.

- Trình tự khai thác: Trình tự khai thác của mỏ là khai thác tại khu II trước, từ hướng Đông nam lên Tây bắc. Tại năm khai thác thứ 6 tiến hành đồng thời công tác khai thác tại khu II và mở vỉa chuẩn bị khai thác khu I. Trình tự khai thác khu I được tiến hành từ biên giới phía Nam lên phía Bắc khai trường.

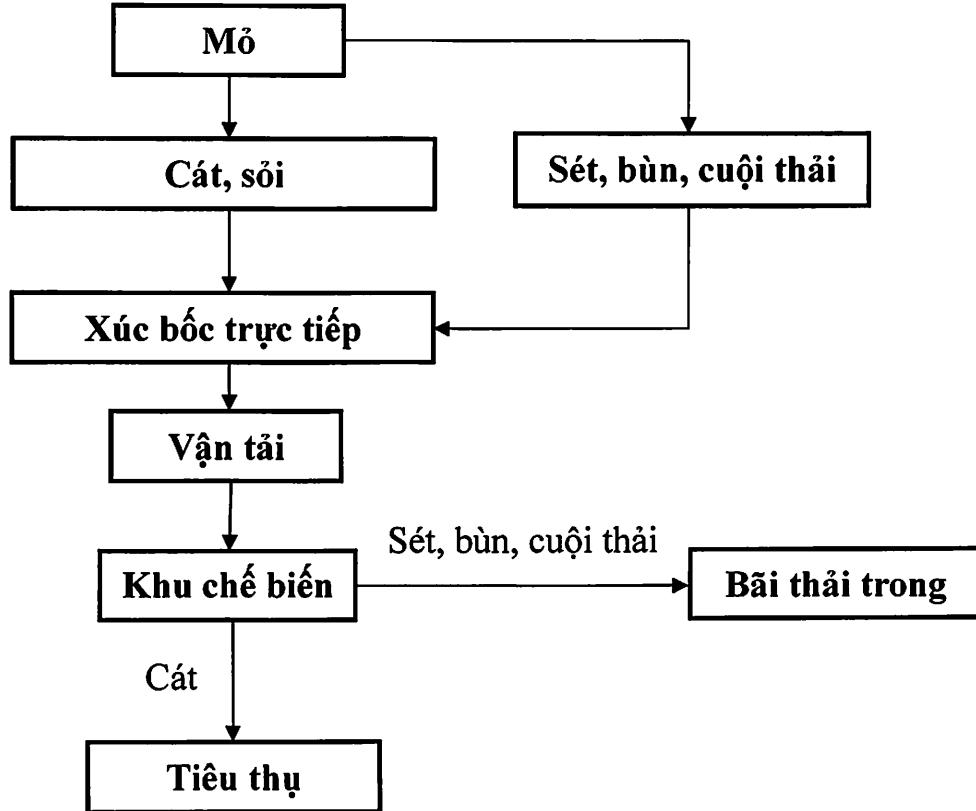
9.5. Hệ thống khai thác, công nghệ khai thác, và đồng bộ dây chuyền thiết bị:

- Hệ thống khai thác: Dự án lựa chọn HTKT theo lớp bằng, vận tải trực tiếp, máy xúc và ô tô đứng cùng mức..

Bảng 1: Các thông số của HTKT

TT	Thông số	Ký hiệu	Đơn vị	Giá trị
1	Chiều cao tầng khai thác	$H_t$	m	4,3
2	Chiều cao tầng kết thúc	$H_{kt}$	m	4,17 - 4,52
3	Góc nghiêng sườn tầng khai thác	$\alpha_t$	độ	17
4	Góc nghiêng sườn tầng kết thúc	$\alpha_{kt}$	độ	17
5	Chiều rộng dải khai	A	m	8
6	Chiều rộng mặt tầng công tác tối thiểu	$B_{ctmin}$	m	23
7	Chiều dài tuyến công tác trên tầng	$L_{ct}$	m	50

- Công nghệ khai thác: sử dụng máy xúc thủy lực gầu ngược xúc bốc trực tiếp và vận chuyển bằng ô tô tự đổ.
- Đồng bộ dây chuyền thiết bị: được thể hiện tại sơ đồ sau.



#### 9.6. Công tác vận tải đất đá và khoáng sản:

Sử dụng Ôtô tự đổ có tải trọng  $q = 7$  (tấn) để vận chuyển.

#### 9.7. Công tác đổ thải đất đá và chứa khoáng sản nguyên khai:

- Công tác đổ thải: Qua báo cáo kết quả thăm dò lượng sét, bùn, vật chất hữu cơ và cuội thải chiếm trung bình 1,8% trong thể tích các khối tính trữ lượng, tổng khối lượng sét, bùn và cuội thải của mỏ là  $9.100 \text{ m}^3$ . Do công nghệ khai thác được lựa chọn là máy xúc kết hợp ô tô tự đổ, vì vậy trong quá trình khai thác khi gầu xúc tiến gương bị ngập nước sẽ làm thấm rã một phần sét, bùn này hòa tan tại khu vực gương khai thác. Các loại cuội, tảng lớn sẽ được tách chọn lọc ngay tại gương khai thác và đổ thải trực tiếp vào không gian đã kết thúc trên khai trường (đổ thải trong).

Đối với lượng sét, bùn và cuội thải được sàng tách tại khu chế biến sẽ được thu gom tập trung, với tính chất là sét, bùn và cuội không chứa các chất gây ô nhiễm môi trường nên sẽ được vận chuyển đổ thải tại không gian đã kết thúc trên khai trường (đổ thải trong).

- Chứa khoáng sản nguyên khai: cát, sỏi sau khi khai thác tại khai trường được vận chuyển về trạm cấp liệu tại khu chế biến. Dự án không quy hoạch bãi chứa khoáng sản nguyên khai.

#### 9.8. Công tác tháo khô, thoát nước mỏ:

- Thoát nước bằng phương pháp thoát nước tự chảy trên khai trường.

#### 9.9. Chế biến khoáng sản:

Sàng phân loại cát, sỏi sau khai thác, đối với khối lượng sỏi sau khi sàng tách sẽ được nghiên làm cát xây dựng.

- Công suất trạm nghiền: 50 tấn/giờ;

#### 9.10. Thông tin liên lạc:

- Điện thoại hành chính sản xuất;

- Điện thoại điều độ sản xuất;

- Bưu chính điện tử (Fax).

#### 9.11. Cung cấp nước và thải nước:

- Cung cấp nước:

+ Nước ăn, nước sinh hoạt: được lấy từ giếng khoan tại khu điều hành.

+ Lượng nước dùng cho sản xuất: được lấy tại nguồn nước mặt sông Kỳ Cùng.

- Thải nước: Để giảm thiểu ô nhiễm do nước thải sinh hoạt, nước thải từ các khu tập kết nguyên vật liệu, cũng như đảm bảo chất lượng nước và kiểm soát nước thải, trong suốt quá trình thi công, xây dựng sẽ áp dụng các biện pháp sau:

+ Nước thải sinh hoạt được xử lý bằng cách xây dựng kiên cố các bể tự hoại thông thường.

+ Toàn bộ lượng nước chảy qua mỏ được thu gom bằng hệ thống cống, rãnh lộ thiên. Sau đó, chảy qua hố lắng, làm trong trước khi chảy vào hệ thống thoát nước của khu vực;

+ Các thiết bị, máy móc trước khi rửa cần lắp đặt và bảo dưỡng các thiết bị chống rò rỉ dầu, mỡ cho máy móc, thiết bị tại công trường để tránh ô nhiễm vào nguồn nước.

#### 9.12. Kiến trúc và xây dựng:

Các hạng mục công trình đều sử dụng vật liệu thông thường, đảm bảo bền vững, khó cháy. Các tuyến đường được san gạt, lu lèn đầm nén đạt tiêu chuẩn kỹ thuật.

Giải pháp kết cấu của nhà phục vụ sản xuất như: Nhà làm việc, nhà ăn,... khung chịu lực, móng tường cột, cột, tường bao che xây bằng gạch chỉ vữa xi măng M50, mái lợp tôn, trần nhựa. Các hạng mục công trình xây dựng của dự án bao gồm:

Khu điều hành mỏ được bố trí xây dựng trên diện tích 0,1 ha bao gồm bao gồm các công trình sau:

- 01 Nhà làm việc và điều hành mỏ diện tích: 40m<sup>2</sup>
- 01 Nhà ở công nhân diện tích: 40 m<sup>2</sup>;
- 01 Nhà kho thiết bị vật tư diện tích: 28 m<sup>2</sup>;
- 01 Nhà vệ sinh+ bể nước diện tích: 20 m<sup>2</sup>;
- 01 Nhà kho chứa chất thải nguy hại tạm thời diện tích: 4 m<sup>2</sup>;
- Hệ thống rãnh thoát nước: 130m.

Khu chế biến được bố trí xây dựng trên diện tích 0,25 ha bao gồm bao gồm các công trình sau:

- Dây chuyền nghiền sàng cát, sỏi công suất 50 T/h;
- Trạm biến áp 250kVA;
- Bãi chứa cát, sỏi diện tích: 2.000 m<sup>2</sup>;
- Hồ lăng xử lý nước mưa chảy tràn: kích thước đào Dx Rx C= 7x 4,5x 2m, khối lượng đào 63m<sup>3</sup>.
- Đường nội bộ;
- Hệ thống rãnh thoát nước mặt: 170 m.

#### 9.13. Tổng mặt bằng: gồm các khu vực chính sau:

- Khai trường khai thác: bao gồm 2 khu vực:
  - + Khu vực I: diện tích 7,37ha;
  - + Khu vực II: diện tích 5,76ha.
- Tuyến đường vận chuyển chính vào mỏ: dài 300m.
- Khu vực điều hành mỏ: diện tích 1.000m<sup>2</sup>.
- Khu vực chế biến và bãi tập kết cát, sỏi: diện tích 2.500m<sup>2</sup>.

#### 9.14. Kỹ thuật an toàn

- Trong quá trình khai thác, vận chuyển, phải nghiêm chỉnh chấp hành theo đúng quy trình, quy phạm hiện hành của nhà nước Việt Nam như:

- + Quy phạm kỹ thuật khai thác mỏ lộ thiên (TCVN 5326 - 2008);

+ Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về an toàn trong khai thác mỏ lộ thiên: QCVN 04: 2009/BCT;

- Trang bị bảo hộ lao động, chống tiếng ồn, chống bụi, an toàn lao động cho công nhân mỏ theo đúng quy định của tổng liên đoàn lao động Việt Nam;

- Trang bị đầy đủ các phương tiện phòng chống cháy nổ ở các nơi như trạm điện, kho tàng, các nhà xưởng sửa chữa...ngoài ra còn phải trang bị các phương tiện chống cháy như: bể cát (bao cát), bình bọt chống cháy chuyên dùng và để đúng nơi quy định;

- Trong quá trình khai thác phải định kỳ kiểm tra công tác phòng cháy và chữa cháy. Tuyệt đối tuân thủ các quy định về an toàn phòng cháy do các cơ quan chức năng ban hành.

#### 9.15. Một số chỉ tiêu công nghệ chính

- Tổng số lao động cho dự án: 16 người

- Năng suất lao động:  $313 \text{ m}^3/\text{người/tháng}$ .

10. Tổng diện tích sử dụng đất: 13,48 ha

Trong đó:

- Khai trường khai thác: diện tích 13,13 ha;

- Khu điều hành mỏ: diện tích 0,1 ha;

- Khu chế biến và bãi chứa: diện tích 0,25 ha.

#### 11. Công tác bảo vệ môi trường

Công tác bảo vệ môi trường nhằm không chế, giảm thiểu ô nhiễm do các chất thải được thực hiện tuân thủ theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được cơ quan chức năng thẩm định và phê duyệt, ngoài ra cần thực hiện một số biện pháp cụ thể như sau:

- Xây dựng các biện pháp bảo vệ môi trường và phò biến cho cán bộ công nhân viên thực hiện nghiêm chỉnh để hạn chế tối mức thấp nhất những tác động xấu của bụi, khói do việc vận hành các máy móc, thiết bị tới môi trường không khí xung quanh.

- Nước thải của mỏ chủ yếu là nước mưa chảy tràn, nước thải sinh hoạt của công nhân, nước tưới rửa chống bụi, nước rửa các phương tiện. Do vậy nguồn nước bị ô nhiễm bởi một số chất bẩn như váng dầu, cặn lắng... Tại mặt bằng công trường, nước chảy tràn từ trên cao xuống, tràn trên bề mặt phải được thu lại bởi rãnh thu nước sau đó để lắng đọng tiếp, không để nước mưa chảy tràn tự do sẽ cuốn theo nhiều đất đá và chất thải khác ra sông suối trong khu vực. Nước ô nhiễm được xử lý trước khi chảy ra sông, ao hồ trong khu mỏ. Tại mặt bằng sân công nghiệp có các rãnh thu nước dẫn nước chảy tràn về hố lăng để xử

lý lăng đọng đất đá và loại bỏ tạp chất trước khi chảy vào hệ thống thoát nước chung của khu vực.

- Trong quá trình sản xuất, lượng đất cát thải của khu vực khai thác, lượng bụi lăng đọng cần được tận dụng làm vật liệu xây dựng và được đổ thải đúng nơi quy định không đổ xuống hệ thống sông, suối, mương rạch làm ô nhiễm môi trường.

### 12. Phương án giải phóng mặt bằng và tái định cư

Trong diện tích xin thực hiện dự án không có dân cư sinh sống. Do vậy, công ty chỉ làm thủ tục đền bù giải phóng mặt bằng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và xin thuê đất để phục vụ công tác khai thác mỏ.

13. Liệt kê đồng bộ thiết bị chính, các hạng mục công trình xây dựng phục vụ khai thác và chế biến khoáng sản

Bảng 2: Đồng bộ thiết bị chính phục vụ khai thác

STT	Tên thiết bị và đặc tính kỹ thuật	Đơn vị	Số lượng
1	Máy xúc TLGN dung tích 1,2 m <sup>3</sup>	Chiếc	02
2	Ô tô trọng tải 7 tấn	Chiếc	03
3	Dây chuyền chế biến	DC	01
4	Máy xúc lật dung tích 3 m <sup>3</sup>	Chiếc	01

Bảng 3: Các hạng mục xây dựng cơ bản mỏ

TT	Hạng mục	Đơn vị	Khối lượng
<b>1</b>	<b>Xây dựng tuyến đường vận chuyển chính vào khai trường</b>		
-	Chiều dài	m	300
-	Khối lượng đắp nền đường	m <sup>3</sup>	1.500
-	Khối lượng đào nền đường	m <sup>3</sup>	550
-	Khối lượng đào rãnh	m <sup>3</sup>	62
-	Rải đá cấp phối chiều dày 20cm	m	300
<b>2</b>	<b>San gạt mặt bằng khu điều hành</b>		
-	Chiều dài	m	40
-	Chiều rộng	m	25
-	Diện tích	m <sup>2</sup>	1.000
-	Khối lượng đào, san gạt	m <sup>3</sup>	320
-	Khối lượng đắp	m <sup>3</sup>	860
<b>3</b>	<b>Xây dựng các công trình tại khu điều hành</b>		
-	Nhà làm việc và điều hành	m <sup>2</sup>	40
-	Nhà ở công nhân	m <sup>2</sup>	40

<b>TT</b>	<b>Hạng mục</b>	<b>Đơn vị</b>	<b>Khối lượng</b>
-	Nhà kho thiết bị vật tư	m <sup>2</sup>	28
-	Nhà vệ sinh+ bể nước	m <sup>2</sup>	20
-	Xây dựng rãnh thoát nước	m	130
-	Kho lưu chứa chất thải nguy hại tạm thời	m <sup>2</sup>	04
<b>4</b>	<b><i>San gạt mặt bằng bãi tập kết cát, sỏi</i></b>		
-	Diện tích san gạt	m <sup>2</sup>	2.000
-	Khối lượng san gạt	m <sup>3</sup>	790
-	Xây dựng rãnh thoát nước	m	170
-	Đào hố lăng nước mưa chảy tràn	m <sup>3</sup>	63
<b>5</b>	<b><i>Xây dựng, lắp đặt các hạng mục tại khu chế biến</i></b>		
-	Lắp đặt trạm biến áp	Trạm	01
-	Lắp đặt dây chuyền chế biến	DC	01
<b>6</b>	<b><i>Xây dựng tuyến đường mở vỉa từ bãi tập kết đến diện khai thác ban đầu</i></b>		
-	Chiều dài tuyến	m	270
-	Khối lượng san gạt	m <sup>3</sup>	450
<b>7</b>	<b><i>Tạo diện khai thác ban đầu</i></b>		
-	Diện tích	m <sup>2</sup>	1.200
-	Khối lượng đào	m <sup>3</sup>	4.800

14. Tổng mức đầu tư của dự án: **14.706.000.000 đồng**, trong đó:

- Chi phí xây dựng: 726.617.000 đồng;
- Chi phí thiết bị: 7.935.400.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án, tư vấn và chi phí khác : 1.208.208.000 đồng;
- Chi phí đèn bù, giải phóng mặt bằng: 138.270.000 đồng;
- Chi phí cấp quyền khai thác: 2.554.172.000 đồng;
- Các công trình bảo vệ, cải tạo phục hồi môi trường: 885.050.000 đồng;
- Chi phí dự phòng: 1.258.283.000 đồng.

15. Nguồn vốn đầu tư: vốn tự có của Công ty và nguồn vốn vay từ ngân hàng thương mại trong nước, trong đó:

- Vốn tự có của công ty: chiếm 30% tổng mức đầu tư;
- Vốn vay ngân hàng: chiếm 70% tổng mức đầu tư.

16. Hình thức quản lý dự án: chủ đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

17. Thời gian thực hiện dự án: 10 năm.

18. Phương thức thực hiện dự án: chủ đầu tư trực tiếp thực hiện các công việc liên quan đến thi công xây dựng và vận hành dự án.

19. Trách nhiệm của Chủ đầu tư:

- Thành lập ban Quản lý dự án theo quy định;

- Xem xét, hiệu chỉnh các tồn tại theo ý kiến thẩm định trong quá trình lập TKKT – TDT;

- Phê duyệt TKKT-TDT; TKBVTC-DT dự án do Giám đốc phê duyệt đầu tư hoặc uỷ quyền phê duyệt đầu tư;

- Lập và phê duyệt kế hoạch đấu thầu, các hồ sơ mời quan tâm, hồ sơ mời thầu, hồ sơ yêu cầu, tổ chức chỉ định thầu hay đấu thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu được phân cấp hoặc ủy quyền; trình Giám đốc phê duyệt kế hoạch đấu thầu, phê duyệt kết quả đấu thầu các gói thầu theo phân cấp của Quy chế quản lý Đầu tư và Xây dựng của Công ty;

- Tổ chức thương thảo, hoàn thiện, ký kết và thực hiện các hợp đồng;

- Phê duyệt hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành các hạng mục công trình của dự án;

- Tổ chức lập, trình duyệt hồ sơ quyết toán vốn đầu tư hoàn thành của dự án;

- Tổ chức quản lý và thực hiện dự án theo đúng quy định hiện hành về quản lý đầu tư, quản lý dự án xây dựng công trình của Nhà nước và Công ty;

- Trong quá trình thực hiện, có quyền thuê tư vấn là tổ chức hoặc cá nhân có đủ tư cách pháp nhân theo quy định của pháp luật để thực hiện các nhiệm vụ mà Chủ đầu tư không có đủ khả năng, chuyên môn để thực hiện;

- Trong quá trình thực hiện dự án có đúc kết và hoàn thiện các công nghệ để giảm chi phí, góp phần nâng cao hiệu quả của dự án.

## **Điều 2. Tổ chức thực hiện**

- Phòng tổ chức- hành chính: có trách nhiệm tham mưu cho Giám đốc thực hiện tốt công tác quản lý và tuyển dụng cán bộ, công nhân theo yêu cầu dự án.

- Phòng kỹ thuật kế hoạch: sắp xếp kế hoạch, bố trí thiết bị máy móc thi công các hạng mục công trình theo tiến độ dự án. Giám sát việc thực hiện các quy định của Pháp luật về an toàn lao động, bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

- Phòng kế toán, tài vụ: tổng hợp và lên kế hoạch chi tiết bố trí nguồn vốn để thực hiện dự án theo tổng dự toán đã lập đảm bảo đúng tiến độ. Phối hợp với các phòng ban khác và cơ quan quản lý nhà nước thực hiện các nghĩa vụ đối với Nhà nước trong quá trình triển khai dự án.

### **Điều 3. Trách nhiệm của cơ quan liên quan thi hành quyết định**

Giám đốc, Kế toán trưởng và các đơn vị, phòng ban trong Công ty chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**GIÁM ĐỐC**

*Nơi nhận:*

- Như điều 3;
- Lưu hồ sơ: VP, HĐQT.



**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4900800197

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 10 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 2, ngày 18 tháng 05 năm 2017

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH CÔNG NGHỆ GẠCH KHÔNG NUNG LẠNG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Núi Đồng Bà Ký, Xã Yên Vượng, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: 0932.232.222

Fax:

Email:

Website:

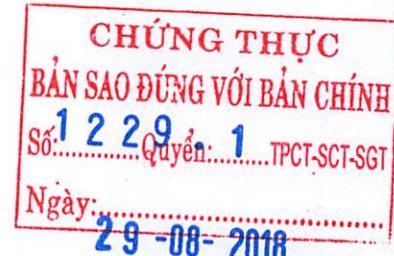
**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 90.000



**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: THÂN VĂN MƯỜI

Giới tính: Nam

Chức danh:

Sinh ngày: 23/08/1981 Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 082316659

Ngày cấp: 30/06/2015 Nơi cấp: Công an tỉnh Lạng Sơn

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2, Ngõ 1, Đường Phai Vệ, Phường Đông Kinh, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Thôn Pò Đứa, Xã Mai Pha, Thành phố Lạng Sơn, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nguyễn Thị Thùy Loan



KI TRƯỞNG PHÒNG  
PHÒNG TRƯỞNG PHÒNG

Nguyễn Thị Uyên

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN**

Mã số doanh nghiệp: 4900800197

Đăng ký lần đầu: ngày 26 tháng 10 năm 2016

Đăng ký thay đổi lần thứ: 3, ngày 25 tháng 02 năm 2019

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH CÔNG NGHỆ  
GẠCH KHÔNG NUNG LẠNG SƠN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Địa chỉ trụ sở chính**

Núi Đồng Bà Ký, Xã Yên Vượng, Huyện Hữu Lũng, Tỉnh Lạng Sơn, Việt Nam

Điện thoại: 0932.232.222

Fax:

Email:

Website:

**3. Vốn điều lệ**

Vốn điều lệ: 9.000.000.000 đồng

Bằng chữ: Chín tỷ đồng

Mệnh giá cổ phần: 100.000 đồng

Tổng số cổ phần: 90.000

**4. Người đại diện theo pháp luật của công ty**

\* Họ và tên: NGUYỄN ĐỨC BÂY

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 17/10/1979

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 001079006340

Ngày cấp: 11/06/2015 Nơi cấp: Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về  
dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Phòng 303, Chung cư Sông Đà, Tổ dân phố 5,  
Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Phòng 303, Chung cư Sông Đà, Tổ dân phố 5, Phường Văn Quán,  
Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

**TRƯỞNG PHÒNG**



CÔNG CHỨNG VIÊN  
Nông Thu Huyền



Lê Thị Thúy Nga

CHUNG THI C  
HUYEN HOA LY CHIUN  
KHOA 3 E - 05 - 2018



CONG CHUNG VĂN

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1011/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 31 tháng 5 năm 2018

**QUYẾT ĐỊNH**

Về việc phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khai thác cát, sỏi  
làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi  
Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng

SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG LẠNG SƠN  
Số: 5727  
Đến Ngày: 31/5/2018  
Chuyển:  
Lưu hồ sơ: Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

**ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN**

Căn cứ Luật Đầu tư số 67/2014/QH13 ngày 26/11/2014;  
Căn cứ Luật Khoáng sản số 60/2010/QH12 ngày 17/11/2010;  
Căn cứ Nghị định số 118/2015/NĐ-CP ngày 12/11/2015 của Chính phủ  
quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo thẩm định  
số 159/BC-SKHĐT ngày 19/4/2018,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt chủ trương đầu tư dự án Khai thác cát, sỏi làm vật liệu  
xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng,  
tỉnh Lạng Sơn, như sau:

1. Nhà đầu tư thực hiện dự án: Công ty Cổ phần Liên doanh công nghệ  
gạch không nung Lạng Sơn.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số doanh  
nghiệp 4900800197, do phòng Đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh  
Lạng Sơn cấp, đăng ký lần đầu ngày 26/10/2016, đăng ký thay đổi lần thứ 2  
ngày 18/5/2017,

Địa chỉ trụ sở chính: Núi Đồng Bà Ký, xã Yên Vượng, huyện Hữu Lũng,  
tỉnh Lạng Sơn.

Người đại diện theo pháp luật: Thân Văn Mười      Giới tính: Nam.

Chức vụ: Giám đốc.

Sinh ngày: 23/8/1981      Dân tộc: Kinh      Quốc tịch: Việt Nam.

Chứng minh nhân dân số: 082316659, do Công an tỉnh Lạng Sơn cấp,  
ngày 30/6/2015.

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Số 2, ngõ 1, đường Phai Vệ, phường  
Đông Kinh, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

Chỗ ở hiện tại: Thôn Pò Đúra, xã Mai Pha, thành phố Lạng Sơn, tỉnh Lạng Sơn.

2. Tên dự án đầu tư: Dự án đầu tư khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường tại mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng.

3. Mục tiêu dự án: Khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường đáp ứng nhu cầu xây dựng trên địa bàn tỉnh và các vùng lân cận.

4. Quy mô dự án:

a) Công suất khai thác: 150.000 m<sup>3</sup>/năm cát, sỏi nguyên khai (*tương đương 130.435 m<sup>3</sup>/năm cát, sỏi nguyên khôi*).

b) Quy mô kiến trúc xây dựng: Công tác xây dựng cơ bản mỏ, bao gồm: Thi công các hạng mục mỏ via và san gạt mặt bằng sân công nghiệp, xây dựng các công trình phụ trợ.

- Xây dựng tuyến đường vận chuyển chính vào khai trường: Quy mô 2 làn xe chạy, chiều dài tuyến đường 300 m, chiều rộng nền đường 9 m, chiều rộng phần xe chạy 7 m, chiều rộng rãnh 2 m x 1 m, mặt đường rải đá cát phoi chiều dày 20 cm.

- San gạt mặt bằng khu điều hành: Chiều dài: 40 m, chiều rộng: 25 m, diện tích: 1.000 m<sup>2</sup>. San gạt mặt bằng bãi tập kết cát, sỏi: Chiều dài: 50 m, chiều rộng: 40 m, diện tích: 2.000 m<sup>2</sup>.

- Xây dựng tuyến đường mỏ via từ bãi tập kết đến khu khai thác: Quy mô 2 làn xe chạy, chiều dài tuyến đường 270 m, chiều rộng nền đường 7 m, chiều rộng phần xe chạy 5 m, chiều rộng rãnh 2 m x 1 m, mặt đường lu lèn chặt đạt K95.

- Tạo diện khai thác ban đầu: Chiều dài: 40 m, chiều rộng: 30 m, diện tích: 1.200 m<sup>2</sup>.

- Các hạng mục công trình phụ trợ (Khu điều hành mỏ) phục vụ cho mỏ, gồm: Nhà làm việc và nhà điều hành (Nhà cấp IV, diện tích: 40 m<sup>2</sup>); Nhà ở công nhân (Nhà cấp IV, diện tích: 40 m<sup>2</sup>); Kho thiết bị - vật tư (Nhà cấp IV, diện tích: 28 m<sup>2</sup>); Kho chứa chất thải nguy hại tạm thời (Nhà cấp IV, diện tích: 4 m<sup>2</sup>); Nhà vệ sinh (Nhà cấp IV, diện tích: 20 m<sup>2</sup>); Các trang thiết bị phục vụ cho hoạt động khai thác mỏ.

5. Địa điểm thực hiện dự án: Xã Tân Lang, huyện Văn Lãng, tỉnh Lạng Sơn.

a) Diện tích đất dự kiến sử dụng: 13,48 ha.

b) Hình thức sử dụng đất: Thuê đất với nhà nước.

6. Tổng vốn đầu tư, nguồn vốn

a) Tổng vốn đầu tư: 14.706 triệu đồng.

b) Nguồn vốn đầu tư: Vốn tự có của doanh nghiệp và Vốn vay ngân hàng.

7. Thời hạn hoạt động của dự án: 10 năm.

8. Tiến độ thực hiện dự án

- Quý I/2018- II/2018: Chuẩn bị đầu tư (Thực hiện các thủ tục liên quan về đầu tư, đất đai, xây dựng, môi trường);
- Quý III/2018 – III/2019: Xây dựng cơ bản mỏ;
- Quý IV/2019: Đưa vào hoạt động, khai thác.

**Điều 2. Các điều kiện đối với nhà đầu tư thực hiện dự án**

1. Nhà đầu tư có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định của Luật Đầu tư, Luật Khoáng sản, Luật Xây dựng, Luật Đất đai và các quy định khác của pháp luật.

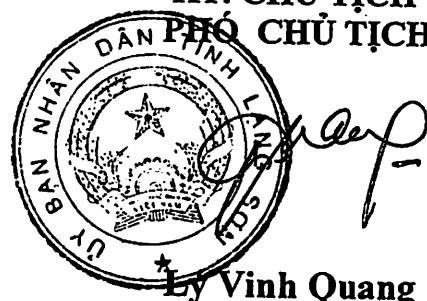
2. Sau 12 (mười hai) tháng Nhà đầu tư không thực hiện hoặc không có khả năng thực hiện dự án theo tiến độ đăng ký và không thuộc trường hợp được giãn tiến độ thực hiện dự án đầu tư theo quy định thì bị chấm dứt hoạt động dự án đầu tư.

**Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài nguyên và Môi trường, Xây dựng, Tài chính, Công Thương, Khoa học và Công nghệ; Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh, Chủ tịch UBND huyện Văn Lãng và Người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.**

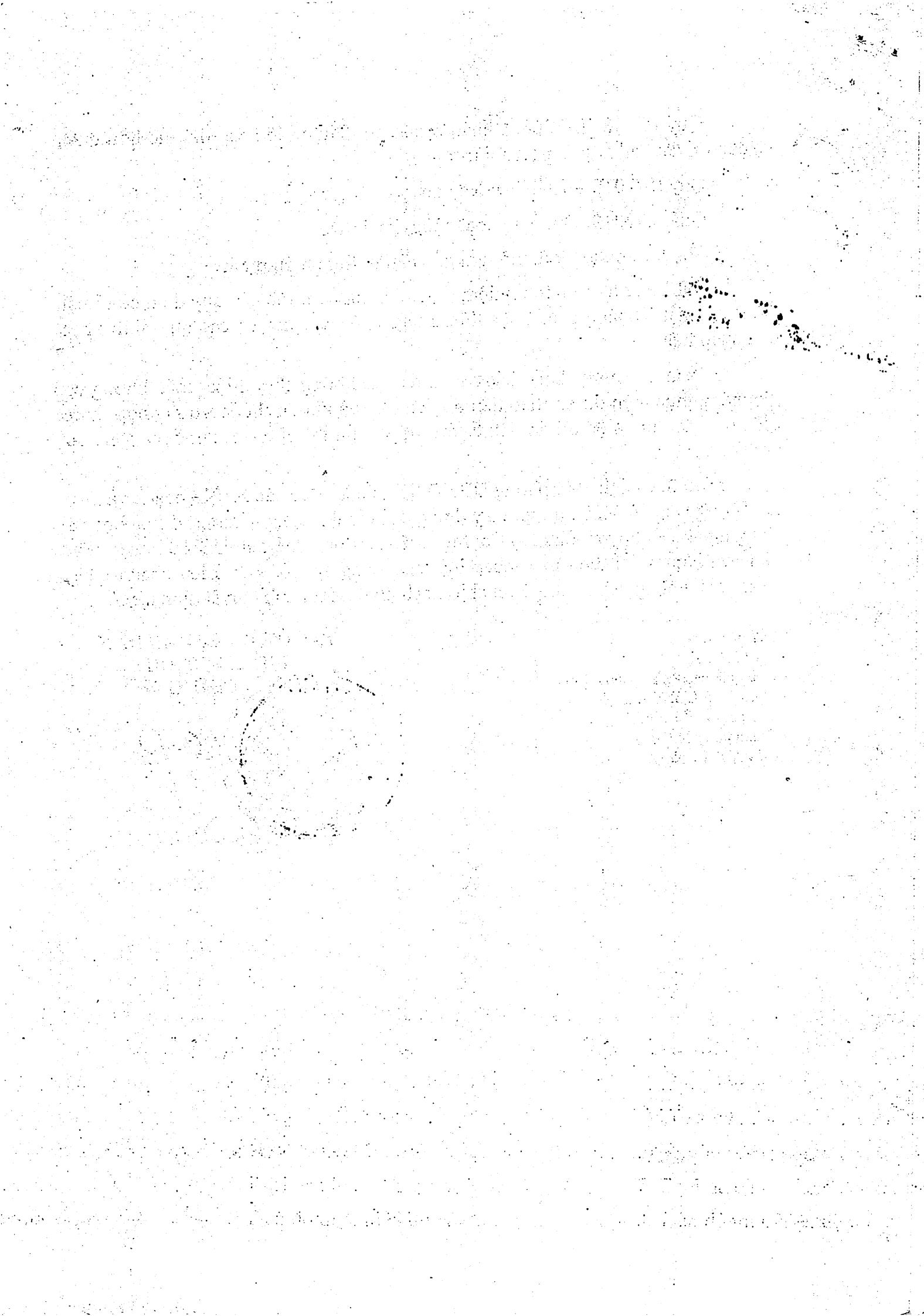
**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVP UBND tỉnh;
- Các phòng: KTTB, TH;
- Trung tâm TH-CB;
- Lưu: VT, KTN(NVH). //

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH



Lý Vinh Quang



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BIÊN BẢN**

**Kiểm tra thực địa khu vực đề nghị cấp Giấy phép khai thác mỏ cát,  
sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng**

Để có cơ sở xem xét đề nghị của Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn về việc cấp giấy phép khai thác mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng. Hôm nay, vào hồi 8 giờ 00 phút, ngày 10/7/2019, Sở Tài nguyên và Môi trường chủ trì, phối hợp với các Sở, UBND huyện Văn Lãng và UBND xã Tân Lang kiểm tra thực địa về các vấn đề có liên quan đến khu vực đề nghị cấp Giấy phép khai thác cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường mỏ Tân Lang.

**I. THÀNH PHẦN**

**1. Đại diện Sở Tài nguyên và Môi trường**

- Ông: Nguyễn Hữu Trực - Trưởng phòng Quản lý TNN&KS.
- Ông: Phạm Anh Dũng - Chuyên viên phòng Quản lý TNN&KS.

**2. Đại diện Sở Công thương**

Ông: Nông Trọng Dương - Phó TP KTAT&MT.

**3. Đại diện Sở Xây dựng**

Ông: Đồng Tuấn Huy - Chuyên viên phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng

**4. Đại diện UBND huyện Văn Lãng**

- Ông: Vũ Hoàng Dũng - TP. Tài nguyên và Môi trường huyện.
- Ông: Tôn Tiến Tùng - Chuyên viên phòng Tài nguyên và Môi trường.

**5. Đại diện UBND xã Tân Lang**

- Bà: Bành Thị Huyền - Phó chủ tịch UBND xã.

**6. Đại diện Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung  
Lạng Sơn**

- Bà: Hoàng Thị Anh - Chủ tịch HĐQT Công ty.
- Ông: Nguyễn Đức Bảy - Giám đốc Công ty.
- Bà: Nguyễn Thu Trang - Kế toán công ty.

**II. KẾT QUẢ KIỂM TRA**

**1. Vị trí**

- Khu vực đề nghị cấp Giấy phép khai thác khoáng sản có diện tích 13,13 ha, được giới hạn bởi các đoạn thẳng nối các điểm khép góc 1, 2, 3, 4, 5 (Khu I, diện tích 7,37 ha) và các điểm góc 6, 7, 8, 9, 10, 11, 12 (Khu II, diện tích 5,76 ha) trên nền bản đồ địa hình theo hệ toạ độ vuông góc VN2000 kinh tuyến trực  $107^{\circ}15'$  mũi chiếu  $3^{\circ}$ , thuộc khu vực xã Tân Lang, huyện Văn Lãng.

- Đoàn kiểm tra đã nhận dạng địa hình khu vực, xác định tọa độ một số điểm đặc trưng bằng máy định vị vệ tinh GARMIN GPS cho thấy: Khu vực đề nghị cấp giấy phép khai thác phù hợp với địa hình trên bản đồ khu vực đề nghị cấp phép kèm theo hồ sơ của Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn.

**2. Loại khoáng sản đề nghị khai thác:** Cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường.

**3. Ý kiến của các Sở, ngành:**

- Điểm mỏ có trong Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản làm vật liệu xây dựng thông thường tỉnh Lạng Sơn đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 37/2016/QĐ-UBND ngày 30/8/2016 và được quy hoạch thăm dò, khai thác trong giai đoạn năm 2016 - 2020; Khu vực không nằm trong khu vực cấm hoạt động khoáng sản, thuộc thẩm quyền cấp phép của UBND tỉnh.

- Điểm mỏ nằm xa khu dân cư tập trung, điểm khép góc mốc số 3 khu vực khai thác 1 có công trình trạm bơm Thanh Hảo với khoảng cách khoảng 55 m.

- Khu vực khai thác không ảnh hưởng đến quy hoạch kế hoạch sử dụng đất của xã, huyện.

- Trong khu vực mỏ không có các loại hình văn hóa như di tích lịch sử, khảo cổ học, danh lam thắng cảnh tôn giáo tín ngưỡng cần được bảo vệ.

- Liên quan đến lĩnh vực an ninh quốc phòng: Điểm mỏ không ảnh hưởng đến nhiệm vụ quốc phòng đã được Bộ chỉ huy quân sự tỉnh Lạng Sơn nhất trí tại Công văn số 1278/BCH-TaH ngày 28/8/2017 về việc tham gia kiểm tra thực địa khu vực đề nghị cấp giấy phép thăm dò, khai thác mỏ cát, sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng; Bộ Tư lệnh Quân khu 1 đồng ý tại Công văn số 490/BTL-BTM ngày 22/3/2018 về việc cho ý kiến địa điểm thực hiện dự án đầu tư tại xã Tân Lang, huyện Văn Lãng.

- Liên quan đến tiền cấp quyền khai thác khoáng sản: Tại thời điểm kiểm tra thực địa Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn đã nộp số tiền cấp quyền lần 1 năm 2019 là 1.019.813.000 đồng tại Chi cục thuế huyện Văn Lãng theo Quyết định số 466/QĐ-UBND ngày 12/3/2019 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản mỏ cát sỏi Tân Lang, xã Tân Lang, huyện Văn Lãng.

**4. Các vấn đề liên quan khác nếu được cấp Giấy phép khai thác.**

- Trong quá trình khai thác nếu có dấu hiệu, phát hiện mới về di chỉ khảo cổ, di vật, cổ vật và loại khoáng sản khác phải dừng ngay mọi hoạt động khai thác để bảo vệ và báo cho cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền. Phối hợp tốt với chính quyền địa phương làm tốt công tác giải phóng mặt bằng, hỗ trợ, tạo điều kiện thu hút lao động địa phương, giữ gìn an ninh trật tự khu vực.

- Cam kết với chính quyền địa phương về sử dụng phương tiện vận chuyển có tải trọng phù hợp với tải trọng thiết kế của hệ thống đường giao thông trên địa bàn và hỗ trợ kinh phí duy tu, bảo dưỡng đường giao thông hàng năm.

- Thực hiện đúng và đầy đủ các nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường, dự án cải tạo và phục hồi môi trường, thiết kế mỏ sau khi được phê duyệt. Thực hiện ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường, thuê đất hoạt động khoáng sản, nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quy định; khai thác đúng vị trí, ranh giới được cấp phép, cấm mốc ranh giới khu vực mỏ; đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong quá trình khai thác; không làm sạt lở bờ sông và không làm ảnh hưởng trực tiếp đến trạm bơm thôn Thanh Hảo.

### III. KẾT LUẬN

Cuộc họp thống nhất đề nghị UBND tỉnh xem xét cấp Giấy phép khai thác khoáng sản cát, sỏi làm vật liệu xây dựng thông thường cho Công ty cổ phần liên doanh công nghệ gạch không nung Lạng Sơn.

Biên bản được lập xong vào hồi 11 giờ 30 phút cùng ngày, đã được các thành viên dự họp nhất trí thông qua và gửi các bên liên quan./.

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG**

Nguyễn Hữu Trực  
**ĐẠI DIỆN**  
UBND HUYỆN VĂN LÃNG

Vũ Hoàng Dũng  
**ĐẠI DIỆN**  
CÔNG TY CỔ PHẦN LIÊN DOANH CÔNG  
NGHỆ GẠCH KHÔNG NUNG LẠNG SƠN

Nguyễn Đức Bảy

**ĐẠI DIỆN**  
**SỞ XÂY DỰNG**

Đồng Tuấn Huy  
**ĐẠI DIỆN**  
SỞ CÔNG THƯƠNG

Nông Trọng Dương  
**ĐẠI DIỆN**  
UBND XÃ TÂN LANG



Banh Thị Huyền